

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-3-2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thế Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST ngày 28/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐ-ST ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T - sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: xóm 7, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Vũ Văn T - sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.

(Chị T và anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trong quá trình tố tụng thì nguyên đơn yêu cầu ly hôn với anh Vũ Văn T và trình bày cụ thể như sau:

Chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình chị T và có 02 con chung. Do điều kiện kinh tế khó khăn, anh chị bàn bạc vay tiền để làm thủ tục cho anh T đi lao động tại nước ngoài, cải thiện kinh tế gia đình. Khoảng tháng 2/2019, anh T đi lao động tại Nhật Bản, anh T không cho chị biết công ty xuất khẩu lao động cũng như địa chỉ của anh T tại Nhật Bản. Thời gian đầu tại nước ngoài, anh T vẫn liên lạc và gửi tiền về cho chị trả nợ. Đến đầu năm 2020, sau khi đã trả hết nợ thì anh T không gửi tiền về cho chị để nuôi con, cũng không cho chị biết lương tháng của anh được bao nhiêu và chi tiêu như thế nào, chị có trao đổi yêu cầu anh T có trách nhiệm với vợ con nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng anh chị ngày càng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên nhấn tin trách móc, chửi bới nhau, không còn tình cảm với nhau. Đến nay, chị T xác định hai bên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Vũ Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/11/2015 và Vũ Nguyễn Nhật M, sinh ngày 16/8/2017 hiện đều do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Bà Vũ Thị C, sinh năm 1964, nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ anh T) trình bày:** Việc kết hôn giữa chị T và anh T như chị T trình bày là đúng. Đến năm 2019, anh T, chị T bàn bạc, thống nhất làm thủ tục vay mượn tiền cho anh T đi lao động tại Nhật Bản. Anh T đã đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 02/2019, đã gửi tiền về cho chị T trả hết tiền vay nợ đi Nhật Bản. Sau khi trả xong nợ, anh T, chị T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T gửi tiền về cho gia đình bên nội để chơi phường họ anh T, không có sự thống nhất với chị T. Ngoài ra, vợ chồng anh chị còn có mâu thuẫn gì nữa thì bà không biết. Chị T, anh T không có tài sản chung gì để ở gia đình bà và cũng không có đóng góp gì trong khối tài sản chung của vợ chồng bà.

Anh T đang lao động tại Nhật Bản, thỉnh thoảng liên lạc với gia đình bà qua điện thoại, nhưng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Bà C đã nhận được

các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án; văn bản yêu cầu bị đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu anh T cung cấp địa chỉ cụ thể, chính xác địa chỉ của anh T tại nước ngoài... Bà đã thông báo cho anh T các văn bản đó, anh T có nói sẽ bàn bạc với chị T để giải quyết mâu thuẫn, anh T mong vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, trường hợp chị T vẫn nhất quyết xin ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị Tòa án gửi các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh T cho bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn cũng thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn anh Vũ Văn T; Xử giao 02 con chung Vũ Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/11/2015 và Vũ Nguyễn Nhật M, sinh ngày 16/8/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án chị Nguyễn Thị Kiều T xin ly hôn anh Vũ Văn T theo thủ tục chung, chị T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, như cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ. Chị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn - anh Vũ Văn T đã nhận được (thông qua thân nhân) Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và 2 lần được Tòa án yêu cầu trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ, cung cấp địa chỉ cụ thể, chính xác của anh tại nước ngoài nhưng anh T không cung cấp địa chỉ, không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án. Như vậy, anh T cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cho Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho thân nhân của anh T và đã niêm

yết công khai tại Chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam để đảm bảo quyền lợi cho anh T.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Vũ Văn T tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Vũ Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm ngày 11/12/2013.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi anh T gửi tiền về cho chị T trả hết nợ vay khi làm thủ tục đi lao động tại nước ngoài, anh đã không gửi tiền về cho chị T nuôi con, không minh bạch về thu nhập và không bàn bạc với chị T về việc quản lý, chi tiêu kinh tế. Trong khi hai con của anh chị đều dưới 5 tuổi, cần có sự tập trung kinh tế của vợ chồng để nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Anh chị đã có sự trao đổi nhưng không thống nhất được với nhau về việc đó, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi vã, trách móc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T có 02 con chung Vũ Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/11/2015 và Vũ Nguyễn Nhật M, sinh ngày 16/8/2017, hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con chung của anh chị cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn anh Vũ Văn T.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao 02 con Vũ Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/11/2015 và Vũ Nguyễn Nhật M, sinh ngày 16/8/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Chị T, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009853 ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T, anh T. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Quốc Tuấn, h. Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Thanh Bình